VNECO 5

Phụ lục Số II

(Ban hành kèm theo TT số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm 2010

Tên công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN XD ĐIỆN VNECO5**

Tên giao dịch Quốc tế: **VNECO 5 Electricitiy Construction Joint - Stock Company**

Tên viết tắt**:** **VNECO5**

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: **3 2 0 0 1 8 0 3 2 3**

Sở KH&DTT Quảng trị cấp ngày 27/04/2010 *(thay đổi lần thứ 4)*

Trụ sở của Công ty: 205 Lê Duẩn - TP Đông Hà - Quảng Trị

Mã số thuế: **3 2 0 0 1 8 0 3 2 3**

Tài khoản: 540.10.00.000004.2 - Ngân hàng ĐT&PT Quảng trị

Điện thoại: 053 3855 160 – 053 3854 973 - Fax: 0533 854 136

Email: **vneco5.vn5.@ gmail.com** - Website: **vneco5.com.vn**

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập:

- Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO5 tiền thân là Xí nghiệp sản xuất vật liệu và xây dựng điện Đông hà, được thành lập theo quyết định số: 578 ngày 30/06/1993/ BNL/TCCBLĐ của Bộ trưởng Bộ Năng lượng, là một đơn vị thành viên, hạch toán phụ thuộc Công ty xây lắp điện 3.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

- Thực hiện Nghị định số: 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, Bộ trưởng

Bộ Công nghiệp đã phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty xây lắp điện 3 thí điểm hoạt động theo mô hình **Công ty Mẹ - Công ty Con** theo Quyết định số 54/2002/QĐ- BCN ngày 16/12/2002.

- Đồng thời Xí nghiệp sản xuất vật liệu và XD điện Đông hà được chuyển thành **Công ty CP xây lắp Điên 3.5**, hạch toán độc lập trong tổ hợp Công ty xây lắp Điện 3 (Công Ty mẹ), hoạt động theo luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty Cổ Phần theo Quyết Định số: 120/2003/QĐ -BCN ngày 11/07/2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp .

Hình thức cổ phần: Bán một phần giá trị vốn của Nhà nước hiện có tại Doanh nghiệp kết hợp phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập là:	**5.000.000.000 đồng**
Trong đó:	
- Vốn góp của Nhà nước: (51%)	***2.550.000.000 đồng***
- Vốn góp của CBCNV Công ty: (49%)	***2.450.000.000 đồng***

Trong quá trình phát triển, Công ty xây lắp điện 3 đã được cổ phần hóa thành **Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam VNECO** theo QĐ số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ công nghiệp; *Công ty Cổ phần xây lắp Điên 3.5* được đổi tên thành **Công ty Cổ phần xây dựng Điện VNECO5** theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2006.

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của ngành điện trong công cuộc Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và đáp ứng nhu cầu hội nhập, Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO5 đang từng bước trưởng thành và phát triển bền vững.

+ Niêm yết:

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty CP XD điện VNECO5
Loại cổ phiếu:	Phổ thông
Mệnh giá:	10 000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết:	
Tổng giá trị niêm yết:	

+ Các sự kiện khác:

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

1.2- Xây lắp các công trình nguồn điện, hệ thống lưới điện và TBA đến 500 KV, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thuỷ lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao.

2.2- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm cho các công trình ĐZ và trạm đến 35 KV.

3.2- Sản xuất thiết bị, phụ kiện điện, cột điện BTLT, các sản phẩm bê tông đúc sẵn, khai thác, kinh doanh cát, đá, sỏi và các chủng loại VLXD….

4.2- Kinh doanh vận tải hàng hoá, SC xe máy thi công và phương tiện vận tải.

5.2- Kinh doanh vật tư, thiết bị điện, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công.

6.2- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế mới.

7.2- Hoạt động sản xuất mua bán điện.

8.2- Kinh doanh các dịch vụ du lịch, Khách sạn.

9.2- Trồng rừng, khai thác rừng và sơ chế sản phẩm cây công nghiệp.

10.2- Kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng, xe máy thi công và dịch vụ đo kiểm tra điện trở các loại công trình.

+ Tình hình hoạt động:

Công ty đang tập trung đầu tư vào các hệ thống phát triển nguồn điện thuộc Tổng Công ty CP XD Điện Việt nam VNECO và tham gia đấu thầu xây dựng các công trình lưới điện Quốc gia và các địa phương trên cả nước.

Công trình đang Đầu tư chuyển tiếp năm 2010:

1- Công trình thuỷ điện Khe Diên:

2- Công trình thuỷ điện Krông H’năng:

Là dự án Liên doanh giữa Công ty điện lực 3 với Tổng Công ty VNECO, do Công ty cổ phần Sông ba làm chủ đầu tư.

Công trình, sản phẩm, dịch vụ năm 2010:

Công trình chuyển tiếp năm 2010:

1- ĐZ 220 KV Bản lã - Vinh
2- ĐZ 500 KV Sơn la - Hoà bình - Nho quan
3- ĐZ 110 KV Thanh chương – Nghệ an
4- ĐZ 220 KV+Trạm cắt 220 KV Xekaman 3 - Thạnh mỹ
5- ĐZ 110 KV nâng cấp Đồng hới - Đông hà
6- ĐZ & Trạm Kon Plông – Kon tum
7- ĐZ 110 KV Krôngbuk – Eahleo
8- ĐZ 110 KV Cửa lò – Diễn châu – Quỳnh lưu
9- ĐZ & Trạm BA Hướng - hóa & Đakrông, Quảng trị

Công trình khởi công năm 2010:

10- CT cấp điện xã Tân liên - Tân lập, Hướng hóa, Quảng trị
11- ĐZ 500 KV Sơn la - Hiệp hòa
12- ĐZ 110KV Triệu sơn - Thanh hóa
13- ĐZ&Trạm 110 KV Chân mây
14- Sản xuất CN, Dịch vụ khác.

3. Định hướng phát triển:

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Đấu thầu Xây lắp các công trình điện trên địa bàn cả nước. Thị trường chính là các công trình điện Miền Bắc – Miền Trung – Tây nguyên.

- Phát triển hệ thống kinh doanh VL xây dựng, xi măng, sắt thép...

- Thực hiện dự án trồng, khai thác, sơ chế mũ cao su trên địa bàn Huyện Hướng hoá, Quảng trị.

- Triển khai các nghành nghề kinh doanh đã đăng ký khi có điều kiện thuận lợi.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường theo hướng phát triển đa ngành nghề.
- Hoàn thiện cơ cấu vốn, nhân lực, Lao động hợp lý, bền vững.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, đấu thầu, từng bước hình thành phương thức KD phù hợp với cơ chế thị trường.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2010:

* Doanh thu thuần:	33 820 109 202 đồng
* Lợi nhuận trước thuế:	1 344 225 530 đồng
* Thuế TNDN:	325 468 883 đồng
* Lợi nhuận sau thuế:	1 018 756 647 đồng

* Trích các quỹ:

-Quỹ dự phòng tài chính (5%):	47 116 353 đồng
-Quỹ ĐTPT:	đồng
-Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	đồng

*Chia cổ tức: % cổ phiếu.

Mức trích lập các quỹ và chia cổ tức sẽ thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông.

2- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch Năm 2010	Thực hiện Năm 2010	Tỷ lệ %
A	B	C	1	2	3=2/1
I	**Giá trị tổng sản lượng**		**43.196**	**36.918**	**85,47**
1	Giá trị xây lắp	Tr.đồng	41.696	34.108	81,80
2	Giá trị sản xuất CN	Tr.đồng	1.000	2.000	200,00
3	Kinh doanh DVụ	Tr.đồng	500	810	162,00
II	**Doanh thu**		**39.500**	**33.820**	**85,62**
1	Doanh thu xây lắp	Tr.đồng	38.500	31.205	81,05
2	Doanh thu SXCN		700	1.822	260,29
3	Doanh thu DVụ	Tr.đồng	300	793	264,33
III	**Các chỉ tiêu TC cơ bản**				
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	3.270	1.344	41,10
2	Trích lập các Quỹ	Tr.đồng	28	47	167,86
3	Lợi nhuận sau thuế/TTSản	%		1,77	
4	LN sau thuế/DT thuần	%	6,21	3,01	48,54
5	LN sau thuế/vốn CSH	%		6,45	
6	Tỷ lệ cổ tức năm	%	15,50		
7	Thu nhập B/quân	Tr.đồng	3,20	3,50	109,38

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

- Niêm yết.
- Tăng vốn điều lệ
- Công ty đã xây dựng các quy chế về quản lý Tài chính, Lao động, Vật tư, kế hoạch tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng suất lao động.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

* Tiếp tục phát huy thế mạnh của Công ty trong ngành xây lắp điện.

* Phát triển các ngành nghề phụ phục vụ công tác xây lắp chính.

* Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ triển khai dự án trồng 250 ha cao su và rừng nguyên liệu tại Hướng Hóa, tỉnh Quảng trị với tổng mức đầu tư ước tính 60 tỷ đồng VN.

*Tăng vốn điều lệ, huy động mọi tiền lực để mở rộng quy mô sản xuất, tiến đến một công ty đa nghành nghề.

* Tuyển dụng, đào tạo và có chế độ thu hút, đãi ngộ đối với đội ngũ CNCN có trình độ kỹ thuật cao, năng lực quản lý giỏi phù hợp với mục tiêu, phương hướng phát triển lâu dài của Công ty.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2010:

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị	Ghi chú
1	**Khả năмh sinh lời**			
	- Lợi nhuận trước thuế/Tổng TS	**%**	2,34	
	- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	3,97	
	- Lợi nhuận trước thuế/Nvốn CSH	%	8,51	
2	**Khả năng thanh toán**			
	- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,83	
	- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,29	

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động).

- Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2010:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VNĐ)	Ghi chú
I	**Giá trị tài sản ngày 31/12**	**57.411.047.442**	
1	***Tài sản ngắn hạn***	***53.623.975.765***	
	Tiền	9.791.014	
	Nợ phải thu	24.773.002.147	
	Hàng tồn kho	22.619.453.186	
	TS ngắn hạn khác	6.221.729.418	
2	***Tài sản dài hạn***	***3.787.071.677***	
	Tài sản cố định HH	2.146.737.331	
	Tài sản cố định VH	12.935.296	
	XDCB dỡ dang	95.657.225	
	Đầu tư dài hạn	1.394.068.000	
	TS dài hạn khác	137.673.825	
II	**Chi tiết nguồn vốn ngày 31/12**	**57.411.047.442**	
1	***Nợ phải trả***	***41.609.569.533***	
	Nợ ngắn hạn	41.609.207.342	
	Nợ dài hạn	362.191	
2	***Vốn chủ sở hữu***	***15.801.477.909***	
	Vốn cổ phần	13.258.000.000	
	Thặng dư vốn cổ phần		
	Quỹ dự phòng Tài chính	456.043.028	
	Quỹ đầu tư phát triển	1.068.678.234	
	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	1.018.756.647	

- ***Những thay đổi về vốn cổ đông, vốn góp:***

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Ghi chú
1	**Vốn cổ đông ngày 01/01/2010**	**13 258 000 000**	
2	**Vốn cổ đông tăng trong năm**		
	Phát hành thêm cổ phiếu		
	Tăng khác		
3	**Vốn cổ đông giảm trong năm**		
	Mua cổ phiếu quỹ		
	Giảm khác		
4	**Vốn cổ đông ngày 31/12/2010**	**13 258 000 000**	

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại (CP thường, ưu đãi)

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

* Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 1 325 800

Trong đó:

+ Cổ phiếu thường: 1 325 800

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có)

+ Số lượng cổ phiếu quỹ là Cổ phiếu thường: 24 200

- Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn:

TT	Thành viên	Giá trị cổ tức	Ghi chú
	Cổ đông TCty VNECO		
	Cổ đông Cty VNECO5		

Cổ tức được chia: %, theo nghị quyết họp Đại HĐCĐ thường niên.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước đây.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị			Tỷ lệ %	
			Thực hiện năm 2009	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010	Thực hiện năm 2010	So sánh 2010/ 2009
A	**B**	**C**	**1**	**2**	**3**	**4=3/2**	**5=3/1**
I	**Giá trị TSL**		**42.668**	**43.196**	**36.918**	**85,47**	**86,52**
1	Xây lắp	Tr.đồng	42.128	41.696	34.108	81,80	80,96
2	Sản xuất CN	Tr.đồng	360	1.000	2.000	200,00	555,56
3	KD dịch vụ	Tr.đồng	180	500	810	162,00	450,00
II	**Doanh thu**		**38.788**	**39.500**	**33.820**	**85,62**	**87,19**
1	Xây lắp	Tr.đồng	38.297	38.500	31.205	81,05	81,48
2	Sản xuất CN	Tr.đồng	327	700	1.822	260,29	557,19
3	KD dịch vụ	Tr.đồng	164	300	793	264,33	483,54
III	**Các CT cơ bản**						
1	***Lợi nhuận***						
	LN trước thuế	Tr.đồng	2.489	3.270	1.344	41,10	54,00
	Trích lập các Quỹ	Tr.đồng	90	28	47	167,86	52,22
	LNST/TTSản	%	3,75		1,77		47,30
	LNST/DT thuần	%	4,81	6	3,01	48,52	62,60
	LNST/VCSH	%	13,83		6,45		46,63
	Tỷ lệ cổ tức	%	15,00	16		0,00	0,00
2	***Cơ cấu tài sản***						
	TSDhạn/TTS	%	8,43		6,60		78,25
	TSNhạn/TTS	%	91,57		93,40		102,00
3	***Cơ cấu Nvốn***						
	Nợ PT/TNVốn	%	66,58		72,48		108,86
	VCSH/TNVốn	%	33,42		27,52		82,36

Năm 2010 Công ty cổ phần xây dựng diện VNECO5 chỉ đạt được 85,62% chỉ tiêu doanh thu kế hoạch trong năm và bằng 87,19% doanh thu thực hiện năm 2009, các chỉ tiêu tài chính khác cũng giảm theo tương ứng.

<u>Nguyên nhân khách quan</u>:

*+ **Vướng mắc thủ tục hành chính về công tác đền bù:***

- ĐZ 110 KV Đồng hới - Đồng hà nâng cấp: do sự thay đổi cơ chế chính sách Theo nghị định 81/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ về bổ sung sửa

đổi một số điều của NĐ 106/2005/NĐ làm phát sinh chi phí đền bù, kéo dài thời gian thi công, dẫn đến công trình không hoàn thành quyết toán được trong năm 2010.

- ĐZ 220 KV Xêkanam 3 - Thạnh mỹ, Quang nam: phải ngừng thi công trong năm 2010 do công tác dền bù giải phóng mặt bằng đi qua rừng phòng hộ chưa được các bên liên quan chấp thuận.

+ Khó khăn về vốn: do những biến động liên tục của thị trường tài chính, Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn cho sản xuất, kể cả vốn vay, trong khi vốn thanh toán của chủ đầu tư không được kịp thời theo tiến độ.

+ Chi phí sản xuất tăng cao:

- Công ty VNECO5 hoạt động sản xuất chủ yếu bằng vốn vay ngắn hạn, chi phí đi vay năm 2010 tăng gấp 02 lần năm 2009.

- Tiền lương tăng từ tháng 05/2010, trong khi giá trị nhận thầu không thay đổi.

- Nhiều công trình không thực hiện được đúng tiến độ, kéo theo các chi phí sản xuất đều tăng theo sự biến động liên tục của thị trường. Các hạng mục công trình hoàn thành quyết toán trong năn 2011 do đó đều vượt quá dự toán chi phí, làm giảm lợi nhuận.

<u>Nguyên nhân chủ quan</u>:

+- Sự phụ thuộc về vốn sản xuất:

Công ty VNECO5 hoạt động sản xuất chủ yếu bằng vốn vay, nên không chủ động được về vốn, trong khi các giải pháp huy động vốn cổ đông chưa được chú trọng triển khai kịp thời, thì những biến động về tín dụng trong năm 2010 đã làm giảm hạn mức vay, ảnh hưởng đến năng lực tài chính của Công ty.

+ Bị động trong khâu thanh toán, thu hồi vốn:

- Công ty chưa chủ động được trong công tác thanh toán quyết toán các công trình xây lắp, dẫn đến chậm trễ trong việc thu hồi vố, ảnh hưởng đến năng lực tài chính của Công ty.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Công ty đã hoàn thiện các Quy chế quản lý: Tài chính, Lao động, Tiền lương, Vật tư; Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát, Quy chế quản trị Công ty...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Tiếp tục mở rộng thị trường xây lắp ra các vùng phía Bắc, phía Nam và khu vực, đầu tư trồng 250 ha cao su và rừng nguyên liệu tại Hướng Hóa - Quảng Trị.

IV. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ – Chi nhánh Hà nội kiểm toán ngày 04/03/2011, hoàn thành Báo cáo Kiểm toán ngày 15/03/2011 và được gửi đính kèm theo Báo cáo thường niên.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập: *Xem báo cáo Kiểm toán kèm theo*.

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ – Chi nhánh Hà nội

-Ý kiến kiểm toán độc lập:

- Các nhận xét đặc biệt.

2. Kiểm toán nội bộ

- Ý kiến kiểm toán nội bộ

- Các nhận xét đặc biệt

VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

- ***Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan đến 31/12/2010***

TT	Tên chủ đầu tư	Nội dung đầu tư	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Ghi chú
1	Tổng Cty CP XD điện Việt nam VNECO	Cổ phiếu VNE	227 133 750	22 000 CP
2	Ngân hàng TMCP Sài gòn Thương tín	Cổ phiếu STB	72 184 840	2 100 CP
3	Công ty cổ phần Sông ba	Cổ phiếu SBa	1 403 060 000	140 306 CP
	Tổng cộng		**1 702 378 590**	

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan.

VII. Tổ chức và nhân sự

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 5

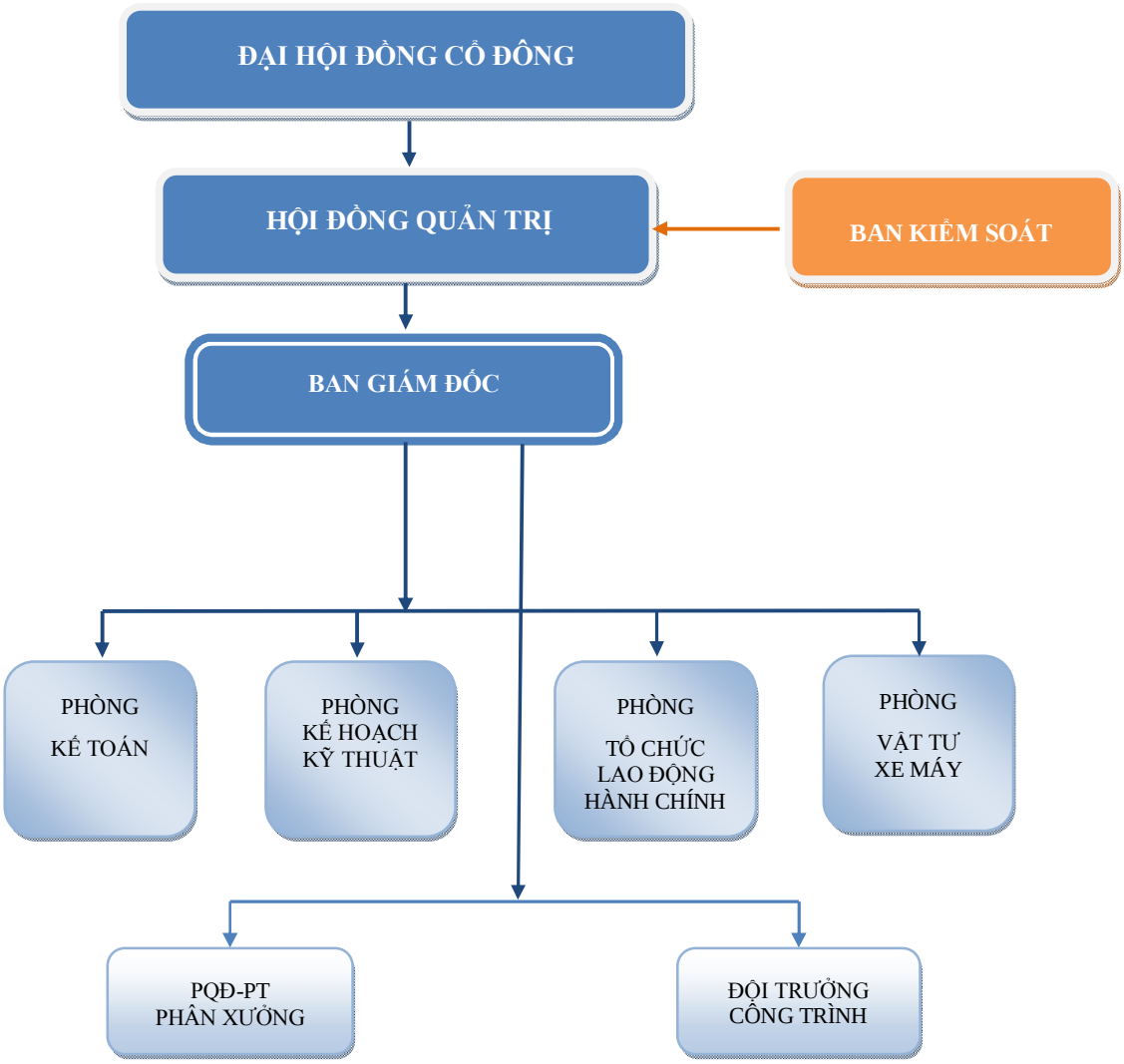

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

A- Hội đồng quản trị & Ban Giám đốc:

1- Chủ tịch HĐQT, Kiêm Giám đốc Công ty:

Họ tên:	**Nguyễn Văn Hưng**
Ngày, tháng, Năm sinh:	25/02/1953
Giới tính:	Nam
Nguyên quán:	Lệ thuỷ, Quảng bình
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Việt nam
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Số cổ phần nắm giữ:	49.235; Tỷ lệ: 3,65
Số cổ phần của những người có liên quan:	
+ Vợ: Trần thị Hạnh:	16.530; Tỷ lệ: 1,22
Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:	
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:	

2- Uỷ viên HĐQT, Phó Giám đốc, kiêm Kế toán trưởng Công ty:

Họ tên:	**Trần Quang Hoan**
Ngày, tháng, Năm sinh:	10/05/1960
Giới tính: Nam	
Nguyên quán:	Gio linh, Quảng trị
Dân tộc:	Kinh
Quốc tịch:	Vệt nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ:	34.200; Tỷ lệ: 2,53
Số cổ phần của những người có liên quan:	
+ Vợ: Trần thị Hà:	12.053; Tỷ lệ: 0,89
Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:	
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:	

3- Uỷ viên HĐQT, Trưởng phòng KH – KT Công ty:

Họ tên: **Trần Thanh Bình**
Ngày, tháng, Năm sinh: 03/03/1971
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Hải lăng, Quảng trị
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá
Số cổ phần nắm giữ: 24.306 Tỷ lệ 1,80
Số cổ phần của những người có liên quan:
+ Em ruột: Trần thị Định: 6.187 Tỷ lệ: 0,46
Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

4- Uỷ viên HĐQT, Trưởng phòng VT – XM Công ty:

Họ tên: **Ngô Thế Phước**
Ngày, tháng, Năm sinh: 24/06/1962
Giới tính: Nam
Nguyên quán: Gio linh, Quảng trị
Dân tộc: Kinh
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Số cổ phần nắm giữ: 11.931; Tỷ lệ: 0,88
Số cổ phần của những người có liên quan:
+ Vợ: Lưu thị Len: 5.114; Tỷ lệ: 0,38
Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:
Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

5- Uỷ viên HĐQT:

(Thành viên không tham gia trực tiếp điều hành Công ty)

Họ tên: **Trần Chỉnh**

Ngày, tháng, Năm sinh: 01/07/1965

Giới tính: Nam

Nguyên quán: Hương thuỷ, Thừa thiên – Huế

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ: 16.913; Tỷ lệ: 1,25

Số cổ phần của những người có liên quan:

Vợ: Lê Thị Hương: 27.724; Tỷ lệ: 2,05

Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:

Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Cty cổ phần kỹ thuật hạ tầng năng lượng 711 – Trụ sở tại Đông hà, Quảng trị.

B- Ban Kiểm soát:

1- Trưởng ban kiểm soát – Trưởng phòng TC-LĐ-HC Công ty

Họ tên: Nguyễn Duy Thuận

Ngày, tháng, Năm sinh: 01/01/1960

Giới tính: Nam

Nguyên quán: Hương điền, Thừa thiên – Huế

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn:

Số cổ phần nắm giữ: 12.531; Tỷ lệ: 0,93

Số cổ phần của những người có liên quan:

Vợ: Phan Thị Phương: 9.279; Tỷ lệ: 0,69%

Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:

Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

2- Thành viên ban kiểm soát – PTP Kế hoạch-Kỹ Thuật Công ty

Họ tên: **Ngô Văn Bản**

Ngày, tháng, Năm sinh: 27/08/1979

Giới tính: Nam

Nguyên quán: Xã Triệu Long, Triệu phong, Quảng trị

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư XD Thủy Lợi-Thủy điện

Số cổ phần nắm giữ: 2.748; Tỷ lệ: 0,20%

Số cổ phần của những người có liên quan:

Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:

Chức vụ, hoạt động khác ngoài Cty:

Ông Ngô Văn Bản được bầu bổ sung vào thành viên Ban kiểm soát theo Biên bản và nghị quyết họp Đại HĐCĐ thông qua ngày 11/04/2010.

3- Thành viên ban kiểm soát - Cổ đông ngoài

Họ tên: **Tạ Quang Thành**

Ngày, tháng, năm sinh: 27/09/1977

Giới tính: Nam

Nguyên quán: Xã Trung Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 12.500; Tỷ lệ: 0,94%

Số cổ phần của những người có liên quan: Số cổ phần của Ông Tạ Quang Thành được cổ đông Tạ Quang Thắm (em ruột) ủy quyền nắm giữ (theo giấy ủy quyền).

Vợ: Lê Thị Phương Uyên: 5.000; Tỷ lệ: 0,37%

Mẹ đẻ: Phạm Thị Hoà: 11.500; Tỷ lệ: 0,85%

Quyền lợi mâu thuẩn với Công ty:

Ông Tạ Quang Thành được bầu bổ sung vào thành viên Ban kiểm soát theo Biên bản và nghị quyết họp Đại HĐCĐ thông qua ngày 11/04/2010.

- Thay đổi Giám đốc điều hành trong năm: ***không***

- Quyền lợi của Ban Giám đốc: *thực hiện theo quy chế của Công ty VNECO5 và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.*

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

TT	Chỉ tiêu	Số lượng		Ghi chú
		Đầu năm	Cuối năm	
	Tổng số	**120**	**98**	
1	***Lao động theo độ tuổi***			
	- Dưới 30 tuổi	48	27	
	- Từ 34 đến 45 tuổi	52	52	
	- Từ 46 đến 50 tuổi	14	17	
	- Trên 50 tuổi	6	2	
2	***Lao động theo trình độ***		***98***	
	- Đại học	17	17	
	- Cao đẳng	3	9	
	- TH chuyên nghiệp	8	4	
	- Công nhân KT	34	15	
	- LĐ phổ thông	58	53	

- Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng thành viên/Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Không.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành), thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty.

TT	Diễn giải	Số lượng	Trong đó: Thành viên ĐLập
1	Hội đồng quản trị	05	01
2	Ban Kiểm soát	03	01

- Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên: Hoạt động theo quy chế của Công ty.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: HĐQT Công ty có 01 thành viên độc lập là Ông Trần Chỉnh không tham gia điều hành; tham dự các các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đông quản trị.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên:Hoạt động theo quy chế của Công ty.

- Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên: Hoạt động theo quy chế của Công ty.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.

Các khoản phụ cấp cho thành viên HĐQT, BKS trong năm 2010:

TT	Họ tên	Chức danh	Số tiền (1 000 đồng)	Ghi chú
I	**Thành viên HĐQT**		**125.249**	
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT - Kiêm Giám đốc	35.069	
2	Trần Quang Hoan	TV HĐQT, PGĐ Kiêm Kế toán trưởng	28.807	
3	Trần Thanh Bình	TV HĐQT, TP Kế hoạch-Kỹ Thuật	22.546	
4	Ngô Thế Phước	TV HĐQT, TP Vật tư-Xe máy	22.546	
5	Trần Chỉnh	Thành viên độc lập	16.281	
II	**Ban kiểm soát**		**45.763**	
1	Nguyễn Duy Thuận	T.Phòng TC - LĐ - HC Trưởng Ban KS	27.136	
2	Ngô Văn Bản	P.Phòng KH- KT Thành viên BKS	11.853	
3	Tạ Quang Thành	Thành viên BKS - Thành viên độc lập	6.774	
	Tổng Cộng		**171.012**	

Mức phụ cấp bằng 1% Tổng quỹ lương thực hiện trên doanh thu xây lắp, mức phụ cấp B/q của HĐQT = 71,43%/1% quỹ lương, mức phụ cấp B/q của BKS = 28,57%/1% quỹ lương.

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 01 người

Ông Nguyễn Văn Hưng-Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:

TT	Họ tên	Chức danh	SL cổ phiếu sở hữu		
			01. 01. 2010	31. 12. 2010	
				Số lượng	%
I	**Hội đồng quản trị**				
1	Nguyễn Văn Hưng	Chủ tịch HĐQT	49 235	49 235	3,65
2	Trần Quang Hoan	Thành viên HĐQT	34 200	34 200	2,53
3	Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	24 306	24 306	1,80
4	Ngô Thế Phước	Thành viên HĐQT	11 931	11 931	0,88
5	Trần Chỉnh	Thành viên HĐQT	16 913	16 913	1,25
II	**Ban kiểm soát**				
1	Nguyễn Duy Thuận	Trưởng Ban	12 531	12 531	0,93
2	Ngô Văn Bản	Thành viên	2 748	2 748	0,20
3	Tạ Quang Thành	Thành viên	12 500	12 500	0,93
III	**Người liên quan**				
1	Trần thị Hạnh	Vợ Ô. Ng Văn Hưng	16 530	16 530	1,22
2	Trần thị Hà	Vợ Ô. Trần Quang Hoan	12 053	12 053	0,89
3	Trần thị Định	Em ruột Ô. Trần Thanh Bình	6 187	6 187	0,46
4	Lưu thị Len	Vợ Ô. Ngô Thế Phước	5 114	5 114	0,38
5	Lê thị Hương	Vợ Ô. Trần Chỉnh	27 724	27 724	2,05
6	Phan thị Phương	Vợ Ô. Ng Duy THuận	9 279	9 279	0,69
7	Lê thị Phương Uyên	Vợ Ô. Tạ Quang Thành	5 000	5 000	0,37
8	Phạm thị Hòa	Mẹ Ô. Tạ Quang Thành	11 500	11 500	0,85

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với Công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

*+ **Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Bà Trần thị Hạnh***

Vợ Ô. Nguyễn Văn Hưng, Chủ tịch HĐQT, kiêm Giám đốc kiêm Công ty.

Số dư tiền vay ngày 31/12/2010: 650 000 000 đồng

Lãi suất = 1,2 lãi suất Ngân hàng thương mại.

*+ **Hợp đồng tín dụng ngắn hạn với Bà Trần thị Hà***

Vợ Ô. Trần Quang Hoan, thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty.

Số dư tiền vay ngày 31/12/2010: 660 000 000 đồng

Lãi suất = 1,2 lãi suất Ngân hàng thương mại.

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổng đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty.

Cổ đông lớn:

1- Tên cổ đông: **Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt nam VNECO**

2- Địa chỉ: 234 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà nẵng

3- Ngành nghề hoạt động:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm BA đến 500 KV, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông, thuỷ lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng.
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm.
- Sản xuất các chủng loại thiết bị, phụ kiện điện, cột điện BTLT, các sản phẩm bê tông đúc sẳn, kinh doanh các loại VLXD….
- Hoạt động sản xuất mua bán điện....
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

4- Số cổ phần sở hữu ngày 31/12/2010: 405 000 cổ phiếu - Tỷ lệ 30%

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập:

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập:

TT	Diễn giải	SL cổ đông	SL cổ phiếu	Giá trị	Ghi chú
1	TCty CP XD điện Việt nam	01	255	2 550 000 000	Tỷ lệ 51%
2	Cổ đông Công ty VNECO5	151	245	2 450 000 000	Tỷ lệ 49%
	Tổng cộng	**152**		**5 000 000 000**	

- Thông tin chi tiết về cổ đông sáng lập/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/tỷ lệ vốn góp.

THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

TT	Tên cổ đông	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ liên hệ	Cổ phiếu sáng lập (21/10/2003)		Cổ phiếu đến 31/12/2010		Ghi chú
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Công ty xây lắp điện 3(nay là TCT CP XD điện VN)		234 Nguyễn Văn Linh - Tp Đà Nẵng, Giấy CNĐKKD: 3203000819 do SKH&ĐT Tp ĐNẵng cấp ngày 01/12/2005	255.000	51,00	405.000	30,00	
2	Nguyễn Văn Hưng	25/02/1953	Phường 1 - Đông hà - Q Trị	13.150	2,63	49.235	3,65	
3	Nguyễn Văn Nhạ	08/04/1964	KPhố 5, P1, Đhà,Qtrị	4.710	0,94	6.173	0,46	
4	Ngô Thế Phước	24/06/1962	3/75 Lê Lợi,Đhà,Qtrị	2.850	0,57	11.931	0,88	
5	Trần Chỉnh	01/07/1965	KPhố 3,P5,Đhà,Qtrị	8.600	1,72	16.913	1,25	
6	Trần Thanh Bình	03/03/1971	KPhố 2,P2,Đhà,Qtrị	2.200	0,44	24.306	1,80	
7	Đậu Thị Liên	24/05/1969	Phường 2,Đhà,Qtrị	1.320	0,26	16.508	1,22	
8	Nguyễn Thị Hạnh	20/03/1968	KPhố 6, P1, Đhà,Qtrị	2.550	0,51	8.167	0,60	
9	Phùng Văn Phố	30/03/1960	KPhố 10,P2,Đhà,Qtrị	2.450	0,49	5.886	0,44	
10	Đoàn Thanh Bảo	15/11/1970	Phờng 2,Đhà,Qtrị	1.210	0,24	10.276	0,76	
11	Nguyễn Hữu Đăng	10/06/1963	60B Trần H.Đạo,TXQtrị	2.150	0,43	6.352	0,47	
12	Võ Sỹ Lâm	01/05/1963	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.100	0,42	5.959	0,44	
13	Võ Văn Thịnh	01/02/1959	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.500	0,50		-	
14	Trần Quang Hoan	10/05/1960	KPhố 5, P1, Đhà,Qtrị	8.750	1,75	34.200	2,53	
15	Lê Hồng Phong	25/05/1959	KPhố 6, P1, Đhà,Qtrị	3.420	0,68	11.199	0,83	

16	Lê Để	10/10/1960	247 Lê Duẫn,Đhà,Qtrị	2.750	0,55	15.450	1,14	
17	Hoàng Thị Minh Hà	14/09/1973	Nguyễn Trãi,Đhà,Qtrị	1.050	0,21	1.391	0,10	
18	Nguyễn Văn Tiến	20/08/1971	KPhố 5, P1, Đhà,Qtrị	780	0,16		-	
19	Ng.Thị Ngọc Lan	25/11/1961	KPhố 10, P2, Đhà,Qtrị	3.250	0,65	10.000	0,74	
20	Trần Quang Trí	23/07/1953	KPhố 4, P5, Đhà,Qtrị	5.000	1,00	13.802	1,02	
21	Nguyễn Thị Thanh	15/08/1954	KPhố 5, P5, Đhà,Qtrị	3.150	0,63	12.607	0,93	
22	Nguyễn Xuân Côi	25/07/1952	ái tử Triệu Phong,Qtrị	2.300	0,46	3.025	0,22	
23	Lê Thị Hương	20/06/1972	KPhố 3, P5, Đhà,Qtrị	1.150	0,23	27.724	2,05	
24	Trương Hồng Minh	13/07/1956	Phường 5,Đhà,Qtrị	2.850	0,57	3.743	0,28	
25	Vũ Thị Minh Hương	28/06/1973	KP 10, P2, Đhà,Qtrị	950	0,19	8.421	0,62	
26	Lê Kim Nghĩa	10/02/1961	KPhố 9, P1, Đhà,Qtrị	2.650	0,53	11.902	0,88	
27	Hoàng Ngọc Hải	12/12/1970	KPhố 6, P5, Đhà,Qtrị	3.650	0,73		-	
28	Lý Đình ái	23/08/1966	KPhố 6, P5, Đhà,Qtrị	1.500	0,30	893	0,07	
29	Nguyễn Thị Nghĩa	03/04/1958	KPhố 10, P2, Đhà,Qtrị	2.650	0,53	4.979	0,37	
30	Phan Thị Phương	01/01/1961	KPhố 10, P2, Đhà,Qtrị	2.400	0,48	9.279	0,69	
31	Trần Thị Minh	01/08/1960	Phường 5, Đhà,Qtrị	2.500	0,50		-	
32	Lê Doãn Tặng	07/11/1960	ái tử Triệu Phong,Qtrị	2.050	0,41	5.093	0,38	
33	Ng.Thị Châu Loan	26/01/1968	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.400	0,28	3.685	0,27	
34	Lưu Thị Len	06/10/1966	3/75 LêLợi,Đhà,Qtrị	1.950	0,39	5.114	0,38	
35	Đồng Thị Thu Thuỷ	19/03/1971	KPhố 10, P2, Đhà,Qtrị	1.350	0,27	3.572	0,26	
36	Vũ Ngọc Thạch	25/03/1965	Phờng 2, Đhà,Qtrị	2.000	0,40	5.227	0,39	
37	Nguyễn Duy Thuận	01/01/1960	KPhố 10, P2, Đhà,Qtrị	3.650	0,73	12.531	0,93	
38	Trần Vang	02/10/1960	Phờng 2, Đhà,Qtrị	2.750	0,55	10.183	0,75	
39	Trần Minh Châu	01/10/1970	Triệu Lễ, Đhà,Qtrị	1.550	0,31		-	
40	Hoàng Hữu Nghĩa	06/01/1967	KPhố 10, P5, Đhà,Qtrị	1.800	0,36	3.575	0,26	
41	Trần Quang Sỹ	30/06/1971	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.500	0,30	8.931	0,66	
42	Nguyễn Đăng Thanh	14/12/1973	KPhố 8, P5, Đhà,Qtrị	1.350	0,27		-	
43	Lê Quang Thu	10/01/1974	Phờng 2, Đhà,Qtrị	1.150	0,23	3.234	0,24	
44	Nguyễn Văn Sơn	21/10/1971	KPhố 6, P5, Đhà,Qtrị	2.350	0,47	3.092	0,23	
45	Trần Đức Quang	22/06/1956	Phường 2, Đhà,Qtrị	2.000	0,40	14.181	1,05	
46	Nguyễn Đăng Ninh	01/08/1971	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.550	0,31	5.569	0,41	
47	Nguyễn Thanh Tùng	26/10/1975	KPhố 3, P5, Đhà,Qtrị	1.240	0,25		-	
48	Võ Quang Quý	10/09/1960	Gio Linh,QTrị	2.600	0,52	3.423	0,25	
49	Nguyễn Văn Hoàng	11/11/1970	Phờng 2, Đhà,Qtrị	1.550	0,31	7.509	0,56	
50	Võ Quang Kiều	10/09/1960	KP 6, P1, Đhà,Qtrị	2.450	0,49	14.004	1,04	

51	Nguyễn Ngọc Tuấn	10/08/1967	Triệu Phong,Qtrị	1.800	0,36	2.375	0,18	
52	Ngô Trọng Bình	02/10/1970	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.500	0,30	1.976	0,15	
53	Nguyễn Văn Chiến	12/12/1970	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.550	0,31		-	
54	Hoàng Đức Tuấn	12/05/1967	P ĐThanh,Đhà,QTrị	1.450	0,29	1.910	0,14	
55	Trần Văn Tâm	10/05/1970	Phường 2, Đhà,Qtrị	900	0,18	1.723	0,13	
56	Bùi Danh Trung	09/01/1972	Nghĩa hy,Cam Lộ,QTrị	1.000	0,20	1.136	0,08	
57	Phạm Xuân Năm	05/04/1960	Phường 2, Đhà,Qtrị	2.000	0,40	2.628	0,19	
58	Trần Tiến Dũng	14/10/1961	Quảng Điền,Huế	2.450	0,49	12.163	0,90	
59	Hoàng Văn Thuần	13/03/1967	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.600	0,32	2.710	0,20	
60	Hoàng Ngọc Quỳnh	06/06/1974	Gio Linh,QTrị	400	0,08	2.621	0,19	
61	Dơng Đức Quang	11/02/1958	Phường 2, Đhà,Qtrị	1.800	0,36		-	
62	Hoàng Công Xanh	12/08/1958	HXá,VLinh,Quảng Trị	1.000	0,20	2.923	0,22	
63	Nguyễn Trường Đỉnh	08/04/1978	Phường 5,Đhà,Qtrị	1.140	0,23	3.234	0,24	
64	Nguyễn Đình Hùng	18/07/1972	Do Linh,Quảng Trị	1.360	0,27	10.619	0,79	
65	Phạm Đức Long	28/11/1977	Đông Hưng, Thái Bình	1.140	0,23	3.996	0,30	
66	Vũ Bằng Giang	06/07/1975	Phường 2, Đhà,Qtrị	650	0,13	2.723	0,20	
67	Nguyễn Thanh Sỹ	03/10/1962	Phường 2, TXã Qtrị	1.610	0,32	3.710	0,27	
68	Ngô Thế Năm	21/02/1967	Gio Linh,QTrị	350	0,07	1.711	0,13	
69	Dương Đức Thành	04/06/1967	Lệ Thuỷ,QBình	300	0,06		-	
70	Phạm Hữu Toàn	28/11/1974	Hương sơn , Hà Tĩnh	300	0,06	408	0,03	
71	Nguyễn Văn Hon	12/09/1961	HXá,VLinh,QTrị	2.050	0,41	9.025	0,67	
72	Nguyễn Hoàng Anh	26/07/1978	VLinh,Quảng Trị	250	0,05		-	
73	Lê Trọng Tiễn	19/08/1975	Lệ Thuỷ,QBình	1.250	0,25	6.980	0,52	
74	Nguyễn Danh Huân	18/04/1974	Gio Linh,QTrị	580	0,12	1.168	0,09	
75	Trương Quốc Trường	12/04/1975	Quảng Trạch,QBình	580	0,12		-	
76	Võ Tấn Hùng Phương	23/12/1981	144/2/7 Nhật Lệ,Huế	250	0,05		-	
77	Nguyễn Thanh Hải	26/06/1978	Phường 2,Đhà,Qtrị	250	0,05	1.279	0,09	
78	Trần Xuân Bắc	26/07/1972	Sông thao,Phú Thọ	560	0,11		-	
79	Ng. Ngọc Thành Nhân	29/06/1979	KP 7,Ph 5,Đhà,QTrị	1.150	0,23		-	
80	Phạm Anh	01/06/1981	Quảng Trạch,QBình	150	0,03		-	
81	Nguyễn Đình Quảng	13/04/1962	P1,Thị Xã Quảng Trị	3.800	0,76	7.696	0,57	
82	Trần Mạnh Phú	14/09/1956	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.950	0,59	7.712	0,57	
83	Lê Chuẩn	19/07/1958	Phường 1,Đhà,QTrị	1.100	0,22		-	
84	Phan Thanh Hải	12/05/1968	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.450	0,49	4.356	0,32	
85	Ngô Phước Đệ	10/10/1973	Hương Thủy, TTHuế	2.150	0,43		-	

86	Võ Văn Lợi	13/02/1963	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.100	0,42	2.761	0,20	
87	Hoàng Đình Sinh	09/05/1958	Phường 2,Đhà,Qtrị	2.600	0,52	6.809	0,50	
88	Nguyễn Xuân Huy	14/12/1970	Phường 2,Đhà,Qtrị	1.550	0,31	4.068	0,30	
89	Hồ Sỹ Hoàng	23/02/1971	Cam Thanh,Cam Lộ	1.450	0,29	3.110	0,23	
90	Trần Quang Bình	04/06/1961	KP9,P1,Đhà,QTrị	2.300	0,46	6.224	0,46	
91	Nguyễn Thị Châu	18/04/1964	KP 10,P2, Đhà, QTrị	2.050	0,41	5.381	0,40	
92	Trần Văn Hải	25/02/1955	Hương Thuỷ, TTHuế	3.100	0,62	3.699	0,27	
93	Nguyễn Đức Dự	12/02/1969	Cam Lộ,Quảng Trị	1.500	0,30		-	
94	Hoàng Đình Thắng	04/10/1968	KP 10,P2, Đhà, QTrị	1.600	0,32	4.110	0,30	
95	Lê Quang Phước	07/10/1978	VLinh,Quảng Trị	1.100	0,22	1.734	0,13	
96	Nguyễn Minh Tiến	16/01/1962	VLinh,Quảng Trị	2.150	0,43	2.827	0,21	
97	Nguyễn Mạnh Hùng	06/12/1968	Phường 3,Đhà,QTrị	1.500	0,30	1.976	0,15	
98	Ngô Thế Lân	05/06/1965	Phường 2,Đhà,QTrị	1.850	0,37	2.430	0,18	
99	Nguyễn Sanh Thiện	02/02/1958	Triệu Phong,Qtrị	1.100	0,22	1.734	0,13	
100	Nguyễn Văn Thái	02/11/1973	Hương Thuỷ, TTHuế	2.150	0,43	3.827	0,28	
101	Hoàng Anh Đào	01/06/1950	P ĐThanh,Đhà,QTrị	3.600	0,72	9.408	0,70	
102	Trần Văn Thịnh	07/11/1951	Phường 2,Đhà,QTrị	3.100	0,62		-	
103	Võ Xuân Hiền	15/07/1956	Đông Lễ,Đhà,QTrị	2.850	0,57		-	
104	Nguyễn Trọng Thành	24/04/1950	KP 3, P5, Đhà, Qtrị	3.550	0,71		-	
105	Trương Minh Luật	02/07/1954	Phường 5,Đhà,Qtrị	2.850	0,57		-	
106	Nguyễn Văn Vui	14/11/1960	P ĐThanh,Đhà,QTrị	2.300	0,46	3.025	0,22	
107	Lê Thiện Chiến	10/06/1957	Phường 2,Đhà,QTrị	2.450	0,49		-	
108	Nguyễn Minh Thiệp	25/05/1958	Phường 2,Đhà,QTrị	2.600	0,52		-	
109	Nguyễn Công Khải	01/09/1960	Phờng 2,Đhà,QTrị	2.050	0,41		-	
110	Thái Văn Quốc	07/11/1966	KP5,P1,Đhà,QTrị	1.000	0,20	11.244	0,83	
111	Nguyễn Văn Vinh	06/02/1965	KP5, P1,Đhà,Qtrị	2.000	0,40	11.965	0,89	
112	Hoàng Minh Manh	07/03/1965	P ĐGiang,Đhà,QTrị	1.650	0,33	11.919	0,88	
113	Nguyễn Thanh Hùng	01/02/1963	KP3,P5,Đhà,QTrị	1.600	0,32	12.188	0,90	
114	Đặng Văn Quang	20/09/1964	Hương Điền,TTHuế	1.800	0,36		-	
115	Nguyễn Văn Trung	08/06/1963	Lệ Ninh,QBình	1.900	0,38	15.182	1,12	
116	Trần Hữu Thành	18/02/1958	Cam Thành,Cam Lộ	2.500	0,50	4.416	0,33	
117	Trần Văn Vinh	04/09/1959	Phường 2,Đhà,QTrị	2.500	0,50		-	
			Tổng số Cổ phiếu CĐ sáng lập	**500.000**	**100**		**79**	
			Tổng số Cổ phiếu đến 31/12/2010			**1.350.000**		

2.3. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

Đông Hà, ngày 30 tháng 03 năm 2011

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO5

NGUYỄN VĂN HƯNG

Nơi nhận:
-UBCK Nhà nước;
-Lưu VNECO5.